

THỰC TRẠNG KĨ NĂNG NÓI TIẾNG ANH THEO CHỦ ĐỀ CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT, KHOA TIẾNG ANH SƯ PHẠM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

THS. TẠ NHẬT ANH* - TẠ THỊ TÚ ANH** - NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG***

Có thể nói rằng, trong các kĩ năng (KN) lời nói bằng tiếng nước ngoài, trong đó có tiếng Anh (TA), KN nói luôn được coi là khó nhất. Trên thực tế, học ngữ pháp, từ vựng, luyện nghe - đọc đều phục vụ cho giao tiếp bằng lời nói trong những bối cảnh cụ thể sao cho hiệu quả nhất. Bài viết đi sâu tìm hiểu, phân tích *thực trạng KN nói TA theo chủ đề của sinh viên (SV) trên các mặt như phát âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ điệu, tốc độ, ngôn ngữ cơ thể khi nói, tính sáng tạo và một số yếu tố ảnh hưởng đến việc rèn luyện KN nói*, từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng của quá trình rèn luyện KN nói cho SV.

1. Thực trạng KN nói TA theo chủ đề của SV năm thứ nhất khoa TA sư phạm, Trường ĐHNH-ĐHQGHN

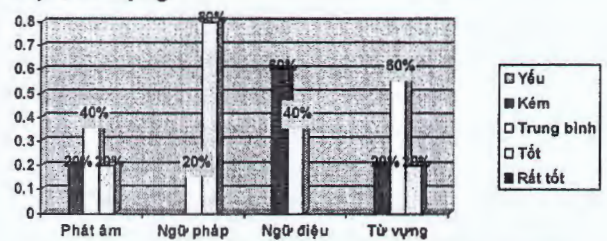
Dựa trên các tiêu chí của hệ thống đánh giá PET của Đại học Cambridge cùng với những yêu cầu cụ thể của Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Anh về quá trình rèn luyện KN nói của SV năm thứ nhất, nhóm nghiên cứu xây dựng các tiêu chí để đánh giá KN nói TA theo chủ đề của SV dựa trên 5 mặt cụ thể như sau: - KN xây dựng và phát triển ý; - KN phát âm và ngữ điệu tính; - KN sử dụng ngữ pháp và từ vựng; - KN sử dụng các tín hiệu phi ngôn ngữ; - Tốc độ, âm lượng, sự trôi chảy.

Để đánh giá một cách khách quan thực trạng KN nói TA của SV năm thứ nhất, nhóm nghiên cứu xây dựng 2 bảng hỏi và 1 bảng quan sát (dành cho giảng viên dạy tiếng và người điều tra tiến hành trong các giờ rèn luyện KN nói). Bảng hỏi nhằm làm rõ một số vấn đề ảnh hưởng tới quá trình rèn luyện KN nói; bảng quan sát nhằm nghiên cứu trên 5 mặt biểu hiện của KN nói, mỗi mặt biểu hiện được chia thành các mức độ khác nhau từ thấp đến cao. Tổng điểm toàn bài của bảng quan sát là 10. Kết quả, nhìn chung KN nói của SV ở mức độ trung bình (5,1-6 điểm), chiếm 60%. Sự yếu kém này thể hiện trên cả 5 mặt biểu hiện của KN nói, cụ thể như sau:

1) *KN xây dựng ý và phát triển ý*. Nghiên cứu tập trung vào KN nói TA theo chủ đề của SV (SV được giảng viên cung cấp chủ đề trước để chuẩn bị) nên nhìn chung KN này tốt nhất trong 5 mặt biểu hiện của KN nói. Tuy nhiên, SV vẫn còn rất kém trong việc phát triển ý, cấu trúc các ý trong bài nói của mình.

Có 60% SV chỉ đạt ở mức yếu trong KN xây dựng ý và phát triển ý - bài nói với bố cục không rõ ràng, phân bổ thời gian cho các phần không hợp lí, các ý trong bài ít liên quan và không hỗ trợ nhau; 40% còn lại ở mức trung bình và kém, không có SV đạt mức giỏi. Được chuẩn bị trước cho bài nói nhưng SV vẫn chỉ đạt mức độ yếu, điều này cho ta thấy thái độ học tập không nghiêm túc và KN cấu trúc một bài nói của các em còn rất thấp.

2) Thực trạng KN phát âm, ngữ pháp, ngữ điệu, từ vựng



Biểu đồ 1. Thực trạng KN phát âm, ngữ pháp, ngữ điệu, từ vựng

Biểu đồ cho thấy, trong các mặt biểu hiện này, ngữ điệu là KN yếu nhất, có tới 60% SV chỉ đạt mức độ kém; ngữ pháp là KN tốt nhất, với 80% ở mức tốt. Điều này dễ hiểu, vì ở bậc học phổ thông, SV được dạy ngữ pháp khá chắc song ít được rèn về ngữ điệu và phát âm. SV vẫn còn thói quen sử dụng ngữ điệu của tiếng Việt vào ngữ điệu của TA. Nhiều lỗi sai của phát âm bắt nguồn từ việc chuyển cách phát âm của tiếng Việt sang: không phát âm âm đuôi, âm giữa,

* Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, Trường Đại học ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

** Khoa Tiếng Anh sư phạm, Trường Đại học ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

*** Khoa Tiếng Đức sư phạm, Trường Đại học ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

nhâm lẫn giữa các âm gần giống trong tiếng Việt, đặt trọng âm sai,...

3) Tốc độ, âm lượng, sự trôi chảy. Có 60% SV nói rất nhỏ, chỉ đủ để những người ngồi gần nghe thấy; 20% SV nói với âm lượng to vừa phải, nhưng nếu ở cuối lớp sẽ không nghe rõ hết toàn bộ nội dung, 20% nói với âm lượng không đều, lúc to lúc nhỏ. Khi phát biểu trên lớp, SV chỉ chú trọng trả lời cho giảng viên, nói để giảng viên nghe thấy và đánh giá. Tuy nhiên, âm lượng lại là một yếu tố rất quan trọng cho thấy sự tự tin khi trình bày của người nói cũng như khả năng thu hút sự chú ý của người nghe. Qua đây có thể thấy, *nhận thức của SV về đối tượng người nghe chưa đúng đắn. Đối tượng cần được hướng đến là toàn bộ lớp học chứ không chỉ đơn thuần là giảng viên.*

Về sự trôi chảy, SV năm thứ nhất còn khá yếu. 60% số SV trình bày vẫn ở mức dưới trung bình khi xét về mức độ trôi chảy. Nguyên nhân: **1) SV chưa đạt đến khả năng tư duy bằng TA khi nói** mà phần lớn vẫn tư duy bằng tiếng Việt rồi dịch sang TA, điều này làm các em bị mất thời gian trong quá trình "chuyển ngữ"; **2) Vốn từ vựng và cấu trúc chưa nhiều**, SV phải ngừng lại để nghĩ khi đang nói; **3) Nội dung không được chuẩn bị kĩ càng**, làm bài nói không thể trôi chảy từ đầu đến cuối; **4) SV không tự tin khi đứng trước đông người**, khi nói sẽ bị phân tán bởi các yếu tố ngoại cảnh như thái độ của giảng viên, sự bàn tán của các bạn trong lớp về sơ xuất của mình,... ảnh hưởng đến "mạch" suy nghĩ và "mạch" nói.

4) KN sử dụng các tín hiệu phi ngôn ngữ. Các yếu tố phi ngôn ngữ như cử chỉ, sự tương tác giữa người nghe và người nói cũng rất quan trọng, nhưng hầu như không được SV quan tâm.

Bảng mức độ tương tác với người nghe

STT	Các mức độ đạt được	Tỉ lệ (%)
1	Không tương tác bằng mắt với người nghe, nhìn xuống đất, nhìn lên trần nhà; không có biểu lộ cảm xúc trên khuôn mặt khi nói, đứng im không di chuyển linh hoạt	60%
2	Tương tác bằng mắt với người nghe, nhưng chỉ đứng im	20%
3	Có nhiều hành động, cử chỉ làm cho người nghe hứng thú; hướng ánh mắt về phía người nghe; có biểu hiện cảm xúc ở khuôn mặt và giọng nói cho phù hợp với nội dung; sử dụng tay để minh họa...	20%
4	Có nhiều hành động, cử chỉ làm cho người nghe hứng thú, dễ hiểu; hướng ánh mắt về phía người nghe; có biểu hiện cảm xúc ở khuôn mặt và giọng nói cho phù hợp với nội dung; sử dụng tay để minh họa, di chuyển linh hoạt để thu hút sự chú ý của người nghe	0%

Động cơ nói của SV ở đây chỉ là trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên mà không cần quan tâm đến độ hiểu hay thái độ của người khác. Nghĩa

là, khi nói, SV không đặt mình vào vị trí của người làm chủ cuộc hội thoại mà là người bị động đáp lời. Chỉ có 20% SV sử dụng ngôn ngữ cơ thể hợp lí vì động cơ là để thuyết phục người nghe, làm cho người nghe hiểu được ý mình.

2. Một số yếu tố ảnh hưởng tới việc rèn luyện KN nói của SV năm thứ nhất

1) Các yếu tố chủ quan

a) Thái độ và tâm trạng của SV trong quá trình rèn luyện KN nói. Hầu hết các SV tham gia khảo sát đều trả lời thích nói và giao tiếp bằng TA (98,8%). Tuy nhiên, nhận thấy có sự mâu thuẫn giữa thái độ và hoạt động thực tiễn của SV, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn một số SV cụ thể về hứng thú với môn nói TA. Nếu chia sự hứng thú thành 5 mức theo thứ tự từ thấp đến cao thì các SV chỉ đánh giá ở mức 2. Như vậy, mức hứng thú còn thấp đã ảnh hưởng đến thái độ và phương pháp học môn nói. Trong khi luyện tập KN nói ở trên lớp, chỉ có 22 SV cảm thấy tự tin khi nói một mình (chiếm 33%), 33% sẽ tự tin nếu được nói theo cặp và 33% còn lại muốn được nói theo nhóm. Qua phỏng vấn một số cá nhân, đa số SV muốn được nói với một hay một vài SV khác để có thể bổ sung ý, tiếp lời cho nhau trong quá trình nói.

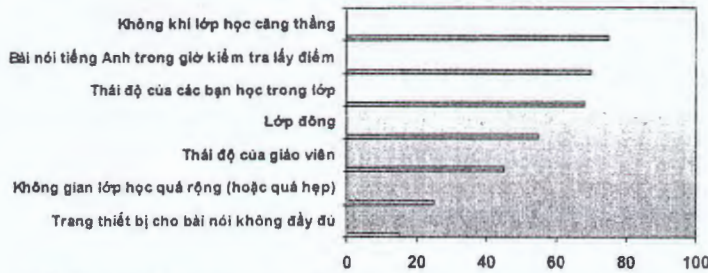
b) Phương pháp rèn luyện KN nói. Có một thực trạng là SV thường xuyên không chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho bài nói trên lớp. Có đến 54,9% SV thỉnh thoảng mới tìm kiếm thông tin liên quan đến bài nói, 51,2% thỉnh thoảng lập dàn ý đại cương và 46,3% thỉnh thoảng lập dàn ý chi tiết. Thậm chí, có đến 23,2% SV không bao giờ lập dàn ý đại cương và 28,1% không bao giờ lập dàn ý chi tiết. Khi trình bày một bài nói theo chủ đề, việc có sẵn luận điểm, luận cứ là rất cần thiết để có một bài nói trôi chảy và có chất lượng về nội dung. Thiếu sự chuẩn bị cần thiết sẽ gây ra những cản trở nhất định trong quá trình trình bày trên lớp của SV (không có ý để nói, từ đó ngập ngừng, đứt quãng trong khi trình bày; không có vốn từ để diễn đạt những điều muốn nói, nhất là khi gặp một chủ đề lạ). Quan trọng hơn nữa, các hoạt động dạy học ở năm thứ nhất không chỉ giúp SV nâng cao KN sử dụng TA mà còn nâng cao kiến thức và từ vựng về các mặt. Nếu không tích cực tìm kiếm thông tin về nội dung bài nói, SV sẽ không thể mở rộng vốn hiểu biết chung của mình, từ đó sẽ gặp khó khăn trước các chủ đề nói phức tạp hơn.

2) Các yếu tố khách quan

Để tìm hiểu về các yếu tố tâm lí khách quan ảnh hưởng tới quá trình rèn luyện KN nói, nhóm nghiên cứu đã khảo sát trên các khía cạnh không gian và

không khí lớp học, thái độ người nghe, tính chất bài nói và các trang thiết bị hỗ trợ. Dưới đây là kết quả thu được:

Qua biểu đồ trên có thể thấy rõ, không khí lớp học căng thẳng là yếu tố khách quan gây ảnh hưởng nhiều



Biểu đồ 2. Mức độ các yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quá trình thực hành KN nói TA

nhất tới quá trình thực hành KN nói của SV. Không khí lớp học căng thẳng thường xuất phát từ thái độ của giảng viên. Nếu người dạy tạo ra không khí lớp học thân thiện, thoải mái sẽ giúp cho SV không có cảm giác nặng nề hoặc chịu áp lực và trình bày bài nói TA hiệu quả hơn rất nhiều. Bên cạnh đó, tính chất hoặc mục đích của bài nói cũng ảnh hưởng lớn đến quá trình thực hành KN nói của SV. Đối với bài nói để kiểm tra lấy điểm, SV thường bị áp lực nhất định về điểm số, cảm thấy hồi hộp, lo lắng và khó trình bày trôi chảy. Mức độ quan trọng của bài kiểm tra nói càng cao thì áp lực trong khi nói của SV càng lớn.

Biểu đồ cũng cho thấy, thái độ của các bạn học trong lớp gây ảnh hưởng tới bài nói TA của SV nhiều hơn là thái độ của giảng viên. Bạn học là đối tượng người nghe chiếm số lượng nhiều nhất ở trong lớp, mọi động thái của các bạn như: xôn xao, bàn tán hay cười nhạo đều có thể ảnh hưởng tới tâm lý của người nói. Cũng chính vì vậy, lớp học càng đông dẫn theo lượng người nghe càng lớn cũng là yếu tố khách quan gây trở ngại cho việc thực hành nói TA của SV.

Để nâng cao KN nói của SV năm thứ nhất lên trên mức trung bình như hiện nay, giảng viên cần tạo ra bầu không khí thoải mái, thân thiện, gần gũi với SV, tránh sự căng thẳng, sợ sệt trong giờ học nói; sắp xếp chỗ ngồi một cách hợp lý để SV cảm nhận sự thân thiện, gần gũi với các bạn khác, nhằm giảm cảm giác lo lắng; đưa ra những động cơ rõ ràng trong giờ luyện tập nói để tránh tình trạng hỏi/đáp một cách thụ động từ phía SV; hỗ trợ SV năm thứ nhất nhiều hơn trong việc làm quen với phương pháp học tập ở bậc đại học. Nhà trường nên trang bị máy ghi âm, ghi hình phục vụ các giờ luyện nói để SV có

thể quan sát được về ngôn ngữ cơ thể, âm lượng, phát âm, tốc độ, nhịp độ, ngữ điệu... nhằm nâng cao hiệu quả luyện nói. Bản thân SV cần tăng thời gian tự luyện tập cá nhân với sự hỗ trợ của các phương tiện kĩ thuật; tích cực và chủ động hơn trong việc lựa chọn và thực hiện các biện pháp rèn luyện KN nói; xác định đúng đắn rèn luyện KN nói là quá trình lâu dài và liên tục, không phải là động cơ ngắn hạn vì điểm số; trau dồi, làm phong phú và chuẩn hóa vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, cách phát âm, ngữ điệu thông qua các hình thức như đọc sách, trò chuyện, xem phim, nghe nhạc của người bản địa. □

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Thị Châu. *Nghiên cứu kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh lớp 6*. Luận án tiến sĩ, Hà Nội, 1998.
2. Trần Hữu Luyện. *Cơ sở tâm lí học dạy học ngoại ngữ*. NXB Đại học quốc gia, H. 2008.

SUMMARY

Speaking in English is always regarded as the most difficult task. So this skill is considered that very important in helping people learn to use language to communicate with foreigners. In fact, learning grammar, vocabulary, listening, reading both off all give the most effective in speaking skill. The report also examines the current status in speaking English skills of students on topics such as pronunciation, vocabulary, grammar, intonation, speaking rate, body language, the creativity and a number of factors affecting the process off practice speaking skills. Lastly, the report also states several proposals to improve the quality of the learning process for students speaking skills.

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí Giáo dục, trang 53, số 312 (Kì 2 tháng 6/2013) đăng bài «Dạy học tương tác môn Vẽ kĩ thuật tại Trường Cao đẳng Nghệ thành phố Hồ Chí Minh» ghi tên tác giả là Trần Kim Tuyền, thay vì tên chính xác là Trần Kim Tuyền. Ở Số Đặc biệt tháng 7/2013, trang 16 đăng bài «Nhu cầu được giáo dục kĩ năng giao tiếp của học sinh trung học cơ sở» ghi tên tác giả là Nguyễn Thị Minh Ngọc, thay vì tên chính xác là Nguyễn Minh Ngọc.

Tòa soạn Tạp chí Giáo dục thành thật xin lỗi các tác giả Trần Kim Tuyền, Nguyễn Minh Ngọc và bạn đọc về sơ xuất nói trên.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC